

Số: **3690/QĐ-UBND**

Bình Định, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và
Phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Quy chế Quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Văn bản số 7138/BNN-TCLN ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 1913/BNN-TCLN ngày 10/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc rà soát, xây dựng kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 3523/BC-STC ngày 13/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai; xác định cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất và chất lượng rừng bằng nhiều loài cây có giá trị kinh tế, xây dựng được các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, quy mô lớn, phát triển rừng trồng theo hướng thâm canh gỗ lớn, phù hợp với từng vùng sinh thái và điều kiện lập địa cụ thể, đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu và chế biến lâm sản;

b) Phát triển Lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, đến năm 2020 nâng độ che phủ rừng lên trên 52%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học;

b) Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung, tạo ra nguồn nguyên liệu từ rừng trồng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến;

c) Thực hiện lồng ghép chương trình phát triển lâm nghiệp với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo cho người dân trên địa bàn.

II. NHIỆM VỤ

1. Các chỉ tiêu lâm sinh

a) Bảo vệ diện tích rừng hiện có là 321.799,33 ha, đảm bảo rừng thật sự có chủ.

Khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020 là 520.555 lượt ha, bình quân 104.111 ha/năm.

b) Trồng rừng: Diện tích 45.500 ha, bình quân 9.100 ha/năm; trong đó: Rừng đặc dụng, phòng hộ là 2.500 ha; rừng sản xuất 42.500 ha và trồng rừng thay thế 500 ha.

c) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên giai đoạn 2016-2020 là 69.850 lượt ha, bình quân 13.970 ha/năm (khoán mới 5000 ha và khoán chuyển tiếp 64.850 lượt ha).

d) Chăm sóc rừng: 45.500 ha.

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán: 2.000.000 cây.

2. Khai thác gỗ

Khai thác gỗ rừng trồng: 3.500.000 m³, bình quân 700.000 m³/năm.

3. Phòng cháy, chữa cháy rừng

Tổ chức thực hiện Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, nhằm

tiếp tục nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy rừng từ tỉnh đến cơ sở có đủ khả năng để kiểm soát cháy rừng, giảm nguy cơ cháy rừng; chữa cháy rừng kịp thời có hiệu quả, giảm thiệt hại do cháy rừng gây ra.

4. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Triển khai thực hiện Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Đường lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định (Dự án Đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020).

III. NHU CẦU VỐN

1. Tổng dự toán nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020: 1.477.923 triệu đồng.

Trong đó:

- Kinh phí Ngân sách nhà nước:	586.346 triệu đồng.
- Kinh phí ngoài ngân sách:	891.577 triệu đồng.
a) Kinh phí Bảo vệ rừng:	271.770 triệu đồng.
- Vốn ngân sách nhà nước:	207.082 triệu đồng.
+ Ngân sách trung ương:	194.310 triệu đồng.
+ Ngân sách địa phương:	12.772 triệu đồng.
- Vốn ngoài ngân sách :	64.688 triệu đồng.
+ Chi trả dịch vụ môi trường rừng:	25.000 triệu đồng.
+ Vốn ODA:	3.511 triệu đồng.
+ Vốn FDI:	30.000 triệu đồng.
+ Vốn hợp pháp khác (của tổ chức, cá nhân):	6.177 triệu đồng.
b) Kinh phí phát triển rừng:	1.065.656 triệu đồng.
- Vốn ngân sách nhà nước:	238.767 triệu đồng.

+ Ngân sách trung ương:	201.278 triệu đồng.
+ Ngân sách địa phương:	37.489 triệu đồng.
- Vốn ngoài ngân sách:	826.889 triệu đồng.
+ Tín dụng:	31.854 triệu đồng.
+ Vốn ODA:	149.985 triệu đồng.
+ Vốn FDI:	65.000 triệu đồng.
+ Vốn hợp pháp khác (tổ chức, cá nhân):	580.050 triệu đồng.

c) Hoạt động kiểm lâm và bảo tồn thiên nhiên: Vốn ngân sách nhà nước là 60.497 triệu đồng.

d) Hoạt động khác: Xây dựng đường lâm nghiệp giai đoạn 2016-2020 vốn ngân sách nhà nước là 80.000 triệu đồng.

IV. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

1. Địa điểm thực hiện:

Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố bao gồm: Các huyện An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Vân Canh, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Tuy Phước, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện:

- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện An Lão;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Hoài Ân;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng huyện Phù Cát;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Vân Canh;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Tây Sơn;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng đặc dụng Khu Bảo tồn thiên nhiên xã An Toàn;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ cảnh quan Quy Nhơn và vùng lân cận;
- Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định;
- Ban Quản lý dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về vốn đầu tư

Huy động vốn hằng năm bằng các nguồn như: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của các doanh nghiệp, của hộ gia đình, cá nhân, vốn thu phí dịch vụ môi trường rừng, vốn từ các dự án ODA, FDI ... để đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

2. Quản lý quy hoạch ba loại rừng và quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng

a) Quản lý chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý quy hoạch 3 loại rừng; xây dựng đồng bộ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện, cấp xã (theo Thông tư số 05/2008/TT-BNN); tiếp tục hoàn thành việc giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thực hiện xã hội hóa lâm nghiệp cho các năm tiếp theo;

b) Quy hoạch các vùng trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

3. Giải pháp bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng

a) Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa lâm nghiệp theo phương châm bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân;

b) Củng cố và bố trí đủ lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách cho các Ban Quản rừng phòng hộ, đặc dụng; tăng quyền hạn và trách nhiệm pháp lý của lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

4. Giải pháp về giao rừng, cho thuê rừng và giao đất lâm nghiệp

a) Tổ chức rà soát, đẩy mạnh giao, cho thuê rừng gắn liền với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo tất cả diện tích rừng có chủ quản lý, cụ thể ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, gia đình chính sách. Cơ bản hoàn thành công tác giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện việc lập và hoàn thiện hồ sơ về giao rừng, cho thuê rừng, gắn liền với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp đối với diện tích quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

5. Về khoa học công nghệ và khuyến lâm

a) Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy rừng, khai thác sử dụng rừng, trồng rừng thâm canh trên các lập địa và vùng sinh thái, hoàn thiện các quy trình kỹ thuật thiết kế trồng rừng thâm canh gỗ lớn, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên theo tiểu vùng lập địa, chăm sóc, tỉa thưa nuôi dưỡng rừng trồng, khai thác lâm sản.

b) Quy hoạch mạng lưới cung cấp giống cây lâm nghiệp, đẩy mạnh sản xuất giống bằng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, áp dụng giải pháp phòng trừ sâu bệnh hại cho rừng trồng bằng phương pháp sinh học;

c) Củng cố hệ thống khuyến lâm ở cơ sở, đặc biệt những xã có nhiều rừng và đất rừng, các địa bàn vùng sâu, vùng xa, tăng cường công tác khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xây dựng trang trại, vườn đồi rừng, mô hình trồng rừng kinh tế thâm canh chất lượng cao.

Điều 2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch và quản lý các dự án thuộc Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2016- 2020; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách hằng năm đủ và kịp thời để thực hiện các nội dung Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng;

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện, thực hiện giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp, theo quy định của pháp luật và tiến độ đã đề ra.

4. Các sở, ban ngành có liên quan, lực lượng vũ trang và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng và quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020 liên quan đến ngành, địa phương mình quản lý;

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có rừng: Tổ chức bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng, diện tích đất đã quy hoạch để trồng rừng của địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai các dự án Bảo vệ và Phát triển rừng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc các Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển Rừng đặc dụng Khu Bảo tồn thiên nhiên xã An Toàn, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ cảnh quan Quy Nhơn và vùng lân cận, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

Bình Định, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm Lâm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (43b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu